

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNNMT ngày /12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu)

| STT | Mục tiêu | Nhiệm vụ | Hoạt động | Kết quả/Sản phẩm | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|---|--|---|---|---|--|------------------------------|--|
| I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH (8 mục tiêu, 11 nhiệm vụ, 11 hoạt động) | | | | | | | |
| 1 | Mục tiêu 1: Công tác tuyên truyền được thực hiện kịp thời, thường xuyên, hiệu quả | Nhiệm vụ 1: Tuyên truyền cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của Sở | Hoạt động 1: Xây dựng, đăng tin, phát sóng các chuyên mục, tin, bài.. tuyên truyền về cải cách hành chính, tăng cường các tin video về kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh | Tin, bài, video, ảnh... | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 2 | | Nhiệm vụ 2: Tham gia hưởng ứng cuộc thi trực tuyến Tìm hiểu cải cách hành chính tỉnh Lai Châu năm 2026 | Hoạt động 2: Công văn tuyên truyền, hướng dẫn tham gia cuộc thi trực tuyến | Trên 70% công chức, viên chức, người lao động trong ngành tham gia cuộc thi | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Quý II, III |
| 3 | Mục tiêu 2: Nâng cao kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của ngành | Nhiệm vụ 3: Triển khai đánh giá chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường | Hoạt động 3: Tự chấm điểm, nhập dữ liệu và gửi Báo cáo kết quả tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của Sở đảm bảo thời gian | Báo cáo kết quả tự chấm điểm cải cách hành chính | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Quý I (theo thời gian Sở Nội vụ hướng dẫn) |
| 4 | | Nhiệm vụ 4: Triển khai các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC năm 2025 | Hoạt động 4: Ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC năm 2026; các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC | Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số; Các văn bản chỉ đạo của Sở đôn đốc, hướng dẫn các phòng, đơn vị trực thuộc | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Quý II (sau khi có công văn của Sở Nội vụ) |

| | | | | | | | |
|---|--|--|---|---|--|------------------------------|-----------------------------------|
| 5 | Mục tiêu 3: Định kỳ hàng năm phối hợp thực hiện đánh giá sự hài lòng về sự phục vụ hành chính | Nhiệm vụ 5: Triển khai đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2025 | Hoạt động 5: Tự đánh giá, chấm điểm chỉ số của Sở | Báo cáo | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Quý I, II |
| 6 | | Nhiệm vụ 6: Điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC | Hoạt động 6: Tổ chức điều tra xã hội học | Phương án điều tra, Quyết định tổ chức điều tra, Báo cáo kết quả điều tra | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Quý I,II |
| 7 | Mục tiêu 4: Từ 20% cơ quan, đơn vị được kiểm tra cải cách hành chính, kết hợp kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra công vụ | Nhiệm vụ 7: Kiểm tra công tác cải cách hành chính, kết hợp kiểm tra tổ chức bộ máy, kiểm tra công vụ năm 2025 | Hoạt động 7: Ban hành Kế hoạch kiểm tra, Thông báo kiểm tra, tổ chức kiểm tra | Kế hoạch kiểm tra, Thông báo kết luận kiểm tra, Báo cáo kết quả kiểm tra | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Kiểm tra xong trước tháng 11/2026 |
| 8 | Mục tiêu 5: Phối hợp nâng cao mức độ hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính năm 2026; | Nhiệm vụ 8: Tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước | Hoạt động 8: Tổ chức khảo sát, tổng hợp, gửi kết quả điều tra sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2026 | mẫu phiếu khảo sát, báo cáo | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Tháng 12/2026 |
| 9 | Mục tiêu 06: Phối hợp thực hiện Nâng cao kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) | Nhiệm vụ 9: Phối hợp thực hiện Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh | Hoạt động 09: Tham mưu tham gia ý kiến Kế hoạch Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2026 và báo cáo kết quả năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025 | Công văn, báo cáo | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |

| | | | | | | | |
|---|--|---|--|---|--|------------------------------|---------------|
| 10 | Mục tiêu 7: Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 | Nhiệm vụ 10: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 | Hoạt động 10: Ban hành các văn bản điều hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 | Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc; Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 11 | Mục tiêu 8: Kế hoạch cải cách hành chính cụ thể hàng năm của Sở được xây dựng đảm bảo đầy đủ các nội dung, ban hành kịp thời | Nhiệm vụ 11: Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của Sở | Hoạt động 11: Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường | Kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Môi trường | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Tháng 12/2025 |
| II CẢI CÁCH THỂ CHẾ (03 mục tiêu, 03 nhiệm vụ, 07 hoạt động) | | | | | | | |
| 1 | Mục tiêu 1: Trên 95% các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương | Nhiệm vụ 1: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; đảm bảo kịp thời; đúng trình tự thủ tục ban hành; phù hợp với quy định của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương | Hoạt động 1: Tham mưu ban hành các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương | Nghị quyết, Quyết định | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 2 | Mục tiêu 2: 100% các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | | Hoạt động 2: Định kỳ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân | Kế hoạch, Báo cáo về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |

| | | | | | | | |
|-----|--|---|--|---|--|--|-----------|
| 3 | Mục tiêu 2: 100% các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp | Nhiệm vụ 1: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; đảm bảo kịp thời; đúng trình tự thủ tục ban hành; phù hợp với quy định của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương (tiếp) | Hoạt động 3: Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, theo ngành/ lĩnh vực quản lý nhà nước | Kế hoạch, Báo cáo về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 4 | | | Hoạt động 4: Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền | Kế hoạch, Báo cáo về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 5 | Mục tiêu 3: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật | Nhiệm vụ 2: Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật | Hoạt động 5: Đăng tải, công khai thông tin lên Cổng thông tin điện tử của Sở | Kế hoạch/ Báo cáo kết quả việc Phổ biến, giáo dục pháp luật | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 6 | | Nhiệm vụ 3: Thực hiện theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định | Hoạt động 6: Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật | Kế hoạch, Báo cáo công tác tổ chức thi hành pháp luật | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 7 | | | Hoạt động 7: Thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật | | | | |
| III | CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (9 mục tiêu, 6 nhiệm vụ, 7 hoạt động) | | | | | | |
| 1 | Mục tiêu 1: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt tối thiểu theo mục tiêu Chính phủ giao hàng năm | Nhiệm vụ 1: Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về ý nghĩa, vai trò, hiệu quả và các tiện ích của dịch vụ công trực tuyến để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại, từ đó thay đổi nếp nghĩ, thói quen sử dụng | Hoạt động 1: Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ TTHC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và ứng dụng VNeID | Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trong năm |

| | | | | | | | |
|---|---|---|--|--|------------------------------|--|-----------|
| 2 | Mục tiêu 2: Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp đạt 100% | Nhiệm vụ 2: Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia | Hoạt động 2: Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt các cấp tăng tối thiểu 20% so với năm 2025 | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trong năm |
| 3 | Mục tiêu 3: Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% | | | | | | |
| 4 | Mục tiêu 4: Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100% | | | | | | |
| 5 | Mục tiêu 5: Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 50% | | | | | | |
| 6 | Mục tiêu 6: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao | Nhiệm vụ 3: Ban hành công văn về triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh | Hoạt động 3: Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia | Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trong năm |

| | | | | | | | |
|---|---|---|--|--|--|--|---|
| 7 | Mục tiêu 7: Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương | Nhiệm vụ 4: Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh | Hoạt động 4: Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính | Tỷ lệ hồ sơ được thực hiện tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền đạt tối thiểu mục tiêu Chính phủ giao | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trong năm |
| 8 | Mục tiêu 8: Rà soát, công bố 100% TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý; đề xuất phương án đơn giản hóa bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa đảm bảo ít nhất 20% quy định, TTHC và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ TTHC | Nhiệm vụ 5: 100% TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã được rà soát, đơn giản hóa, đảm bảo đạt tỷ lệ cắt giảm tối thiểu 20% TTHC và 20% chi phí tuân thủ TTHC. | Hoạt động 5: Văn bản chỉ đạo thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước năm trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 4163/KH-UBND ngày 07/11/2022. | Văn bản hành chính | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| | | | Hoạt động 6: Hoàn thiện kết quả rà soát, đánh giá và dự thảo Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt | Dự thảo Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Theo Kế hoạch số 4163/KH-UBND ngày 07/11/2022 |
| 9 | Mục tiêu 9: 100% phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức được giải quyết đảm bảo theo quy định | Nhiệm vụ 6: Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, bất cập cho cá nhân, tổ chức | Hoạt động 7: Tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; chuyển ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền về các phản ánh, kiến nghị đến tổ chức, cá nhân | Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công đạt 100% | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trong năm |

| IV | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY (2 mục tiêu; 2 nhiệm vụ; 2 hoạt động) | | | | | | |
|----|---|--|---|--|---|-------------------------------------|--------------------|
| 1 | <p>Mục tiêu 1: Sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; cơ cấu lại hoặc giải thể những đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh hoạt động không hiệu quả, bảo đảm nâng cao chất lượng dịch vụ công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ cấu lại, giảm viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đẩy mạnh xã hội hóa đơn vị sự nghiệp công lập ở những nơi có đủ điều kiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập.</p> | <p>Nhiệm vụ 1: Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị và giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính; tiếp tục rà soát sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 về sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước</p> | <p>Hoạt động 1: Rà soát xây dựng phương án, Đề án sắp xếp và tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị theo quy định.</p> | <p>Đề án, Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy được thông qua, ban hành</p> | <p>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> | <p>Các phòng, đơn vị trực thuộc</p> | <p>Trong năm</p> |
| 2 | <p>Mục tiêu 2: Thực hiện tinh giản biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2031 theo quy định</p> | <p>Nhiệm vụ 2: Thực hiện tinh giản biên chế hành chính; biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định</p> | <p>Hoạt động 2: Báo cáo tình hình sử dụng biên chế năm 2026; Xây dựng Kế hoạch sử dụng biên chế 2027</p> | <p>Báo cáo, Kế hoạch</p> | <p>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> | <p>Các phòng, đơn vị trực thuộc</p> | <p>Quý IV/2026</p> |

| V | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ (1 mục tiêu; 3 Nhiệm vụ; 6 Hoạt động) | | | | | | |
|---|--|--|--|---------------------------|--|------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Mục tiêu 1: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định | Nhiệm vụ 1: Tham mưu Ban hành quyết định phê duyệt danh mục, bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị | Hoạt động 1: Rà soát, đề nghị danh mục, bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm | Tờ trình, Đề án | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Sau khi có hướng dẫn của Trung ương |
| 2 | | | Hoạt động 2: Tham mưu Ban hành quyết định phê duyệt danh mục, bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm | Dự thảo Quyết định | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Sau khi có hướng dẫn của Trung ương |
| 3 | | Nhiệm vụ 2: Tiếp tục triển khai áp dụng vị trí việc làm để xác định biên chế, tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, trình độ đào tạo | Hoạt động 3: Tham mưu ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức; tiếp nhận vào làm công chức | Dự thảo Kế hoạch, báo cáo | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Sau khi có hướng dẫn của Trung ương |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|-----------------------------|--|------------------------------|-----------|
| 4 | Mục tiêu 1: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định | Nhiệm vụ 3: Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức; có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm, trình độ và năng lực trong thi hành công vụ. | Hoạt động 4: Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2027 | Dự thảo Kế hoạch, báo cáo | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Quý IV |
| 5 | | | Hoạt động 5: Tham mưu ban hành chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | Báo cáo, Kế hoạch | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 6 | | | Hoạt động 6: Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của tỉnh | Công văn, báo cáo, kế hoạch | | Các phòng, đơn vị trực thuộc | |
| VI | Công tác cải cách tài chính công (4 mục tiêu, 4 nhiệm vụ, 5 hoạt động) | | | | | | |
| 1 | Mục tiêu 01: Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập | Nhiệm vụ 01: Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập | Hoạt động 01: ban hành Nghị quyết xây dựng chính sách theo chương trình công tác của UBND tỉnh | Quyết định | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |

| | | | | | | | |
|---|---|--|---|------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------|
| 2 | Mục tiêu 02: Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ | Nhiệm vụ 02: Các phòng, đơn vị báo cáo kết quả kiểm kê về Sở Nông nghiệp và Môi trường | Hoạt động 02: Các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê và báo cáo kết quả kiểm kê cho Sở để báo cáo UBND tỉnh qua Sở Tài chính. | Báo cáo | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 3 | Mục tiêu 3: Tham mưu hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước | Nhiệm vụ 3: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và đảm bảo tính chủ đạo của ngân sách tỉnh | Hoạt động 3: Tham mưu ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi địa phương giai đoạn 2025-2030 | Văn bản tham mưu | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | 2026 và theo lộ trình |
| | | | Hoạt động 4: Tham mưu ban hành quy định về thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2025-2030 | Văn bản tham mưu | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | 2026 và theo lộ trình |
| 4 | Mục tiêu 4: Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập | Nhiệm vụ 4: Điều chỉnh phương án và giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ | Hoạt động 5: Phê duyệt điều chỉnh phương án và giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ | Quyết định | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | 2026 và theo lộ trình |

| | | | | | | | |
|------------|--|--|---|---|--|------------------------------|-----------|
| VII | Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số (3 mục tiêu, 3 nhiệm vụ, 3 hoạt động) | | | | | | |
| 1 | Mục tiêu 1: 100% gửi, nhận văn bản điện tử | Nhiệm vụ 1: Duy trì thư công vụ | Hoạt động 1: Mua phần cứng và phần mềm; - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống; - Xử lý sự cố. | Hệ thống thư công vụ tỉnh | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 2 | Mục tiêu 2: 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) | Nhiệm vụ 2: Triển khai đề án Ipv6 | Hoạt động 2: Triển khai Ipv6 từng giai đoạn theo Đề án được phê duyệt | Địa chỉ Ipv6 | Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |
| 3 | Mục tiêu 3: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số | Nhiệm vụ 3: Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin tại các phòng, đơn vị | Hoạt động 3: Mua sắm phần cứng; Mua sắm phần mềm. | Thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Các phòng, đơn vị trực thuộc | Trong năm |